

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022

Căn cứ luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều chỉnh tên gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức gắn với địa danh thị xã Gia Nghĩa và điều chỉnh phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn Ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi Ngân sách Nhà nước năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Đắk Nông;
- Phòng TC-KH TP;
- Lưu VT. (Huế).

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Hà



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc

Mã số: 1058302

Mã KBNN nơi giao dịch: 3061

Ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-GDDT ngày 28 /12/2021

DVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Tổng số
I	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	5.091.008
1	Chi thường xuyên giao tự chủ	4.868.533
	-Lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương	4.265.713
	-Chi khác theo biên chế được giao	602.820
2	Chi thường xuyên không giao tự chủ	222.475
	-Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	3.600
	-Kinh phí mua bảo hiểm y tế học sinh	218.875

Số: 150/QĐ-GDDT

Gia Nghĩa, ngày 22 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giám dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều chỉnh tên gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức gắn với địa danh thị xã Gia Nghĩa và điều chỉnh phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giám dự toán Ngân sách năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố;

Căn cứ Thông báo số 91/TB-TCKH ngày 17/6/2022 của Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố về việc điều chỉnh giám dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giám dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022 (kinh phí mua bảo hiểm y tế học sinh) cho các đơn vị trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán giám, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Đắk Nông;
- Phòng TC-KH TP;
- Lưu VT. (Huệ)



Phạm Thị Hà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Mã KBNN nơi giao dịch: 3061

Ban hành kèm theo Quyết định của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Đơn vị	Tổng số
I	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	(3.245.836)
1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (kinh phí mua bảo hiểm y tế học sinh)	(3.245.836)
a	Sự nghiệp tiểu học (Loại 070 khoản 072)	(2.002.334)
	Trường TH Trần Quốc Toán	(72.028)
	Trường TH Phan Chu Trinh	(114.129)
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	(81.412)
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	(218.875)
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	(58.079)
	Trường TH Tô Hiệu	(62.898)
	Trường TH Minh Khai	(334.018)
	Trường TH Nguyễn Việt Xuân	(111.340)
	Trường TH Võ Thị Sáu	(279.236)
	Trường TH Thăng Long	(268.584)
	Trường TH N' Trang Long	(22.065)
	Trường TH Lê Hồng Phong	(217.607)
	Trường TH Hà Huy Tập	(101.448)
	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	(60.615)
b	Sự nghiệp trung học cơ sở (Loại 070 khoản 073)	(1.243.502)
	Trường THCS Trần Phú	(171.701)
	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	(41.340)
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	(348.982)
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	(374.091)
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	(60.108)
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	(67.463)
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	(75.072)
	Trường THCS Phan Bội Châu	(104.745)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều chỉnh tên gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức gắn với địa danh thị xã Gia Nghĩa và điều chỉnh phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn Ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc điều chỉnh kinh phí năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-GDDĐT ngày 28/12/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu chi Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2022 cho phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, bộ phận tài vụ thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Đắk Nông;
- Phòng TC-KH TP;
- Lưu VT, (Huệ).

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Hà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Mã KBNN nơi giao dịch: 3061

Ban hành kèm theo Quyết định của Phòng Giáo dục và Đào tạo

ĐVT: VNĐ

STT	Đơn vị	Tổng số	Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ	Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ
I	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí.			
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước			
1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		(97.180.000)	97.180.000
a	Sự nghiệp mầm non (Loại 070 khoản 071-nguồn 12)		(28.420.000)	28.420.000
	Trường MN Hoa Phượng Vàng		(410.000)	410.000
	Trường MN Hoa Sen		(270.000)	270.000
	Trường MN Hoa Lan		(11.700.000)	11.700.000
	Trường MN Hoa Cúc		(270.000)	270.000
	Trường MN Sơn Ca		(4.070.000)	4.070.000
	Trường MN Tân Lập Thành		(11.700.000)	11.700.000
b	Sự nghiệp Tiểu học (Loại 070 khoản 072-nguồn 12)		(39.230.000)	39.230.000
	Trường TH Trần Quốc Toàn		(2.000.000)	2.000.000
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót		(3.600.000)	3.600.000
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc		(3.600.000)	3.600.000
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn		(9.000.000)	9.000.000
	Trường TH Tô Hiệu		(900.000)	900.000
	Trường TH Minh Khai		(630.000)	630.000
	Trường TH Nguyễn Viết Xuân		(4.500.000)	4.500.000
	Trường TH Thăng Long		(10.000.000)	10.000.000
	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn		(5.000.000)	5.000.000
c	Sự nghiệp trung học cơ sở (Loại 070 khoản 073-nguồn 12)		(29.530.000)	29.530.000
	Trường THCS Trần Phú		(2.700.000)	2.700.000
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành		(19.000.000)	19.000.000
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm		(5.490.000)	5.490.000
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh		(2.340.000)	2.340.000

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giám dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều chỉnh tên gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức gắn với địa danh thị xã Gia Nghĩa và điều chỉnh phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giám dự toán Ngân sách năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố;

Căn cứ Thông báo số 91/TB-TCKH ngày 17/6/2022 của Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố về việc điều chỉnh giám dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giám dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2022 (kinh phí mua bảo hiểm y tế học sinh) cho các đơn vị trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán giám, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Đắk Nông;
- Phòng TC-KH TP;
- Lưu VT. (Huế).



Phạm Thị Hà



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Mã KBNN nơi giao dịch: 3061

Ban hành kèm theo Quyết định của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

ĐVT: Ngìn đồng

STT	Đơn vị	Tổng số
I	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	(3.245.836)
1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (kinh phí mua bảo hiểm y tế học sinh)	(3.245.836)
a	Sự nghiệp tiểu học (Loại 070 khoản 072)	(2.002.334)
	Trường TH Trần Quốc Toàn	(72.028)
	Trường TH Phan Chu Trinh	(114.129)
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	(81.412)
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	(218.875)
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	(58.079)
	Trường TH Tô Hiệu	(62.898)
	Trường TH Minh Khai	(334.018)
	Trường TH Nguyễn Việt Xuân	(111.340)
	Trường TH Võ Thị Sáu	(279.236)
	Trường TH Thăng Long	(268.584)
	Trường TH N' Trang Long	(22.065)
	Trường TH Lê Hồng Phong	(217.607)
	Trường TH Hà Huy Tập	(101.448)
	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	(60.615)
b	Sự nghiệp trung học cơ sở (Loại 070 khoản 073)	(1.243.502)
	Trường THCS Trần Phú	(171.701)
	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	(41.340)
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	(348.982)
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	(374.091)
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	(60.108)
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	(67.463)
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	(75.072)
	Trường THCS Phan Bội Châu	(104.745)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn Ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-GDDT ngày 28/12/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu chi Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 144/TB-TCKH ngày 14/11/2022 của phòng Tài chính-kế hoạch thành phố về việc điều chỉnh dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2022 cho ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện chi trả chế độ chính sách năm 2022; kinh phí thực hiện mua sắm phần mềm chuyển đổi số hóa các trường học và phòng Giáo dục và Đào tạo; kinh phí điều chỉnh do tăng, giảm biên chế năm học 2022-2023, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có liên quan thực hiện đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Đắk Nông;
- Phòng TC-KH TP;
- Lưu VT, (Huệ).

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
T. P. GIA NGHĨA - T. ĐẮK NÔNG

Phạm Thị Hà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
Mã KBNN nơi giao dịch: 3061
 Ban hành kèm theo Quyết định của phòng Giáo dục và Đào tạo

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Dự toán chi NSNN							
		Tổng số	Phân mềm chuyên đổi số hóa các trường học và phòng giáo dục và Đào tạo	Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi	Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, tăng cường CSVC	Bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGD&ĐT ngày 12/11/2019	Chính sách hỗ trợ cho học sinh khuyết tật	Điều chỉnh tăng, giảm biên chế năm học 2022-2023
I	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí								
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước								
1	Quản lý nhà nước								
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo								
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)								
a	Sự nghiệp mầm non	(80.000.000)							(80.000.000)
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(80.000.000)							(80.000.000)
b	Sự nghiệp Tiểu học	(60.000.000)							(60.000.000)
	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	23.250.000							23.250.000
	Trường TH Nguyễn Việt Xuân	(46.500.000)							(46.500.000)
	Trường TH Thăng Long	23.250.000							23.250.000
	Trường TH Hà Huy Tập	23.250.000							23.250.000
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	(23.250.000)							(23.250.000)
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(60.000.000)							(60.000.000)



STT	Đơn vị	Dự toán chi NSNN							
		Tổng số	Phần mềm chuyển đổi số hóa các trường học và phòng giáo dục và Đào tạo	Chiết giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi	Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, tăng cường CSVC	Bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGD&ĐT ngày 12/11/2019	Chính sách hỗ trợ cho học sinh khuyết tật	Điều chỉnh tăng, giảm biên chế năm học 2022-2023
c	Sự nghiệp THCS	140.000.000	-	-	-	-	-	140.000.000	
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	49.450.000						49.450.000	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	90.550.000						90.550.000	
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
a	Sự nghiệp mầm non (nguồn 12)	637.160.000	649.000.000	(11.840.000)					
	Trường MN Hoa Bưởi	60.440.000	59.000.000		1.440.000				
	Trường MN Hoa Phượng Vàng	53.240.000	59.000.000		(5.760.000)				
	Trường MN Hoa Sen	59.000.000	59.000.000						
	Trường MN Hoa Anh Đào	59.640.000	59.000.000		640.000				
	Trường MN Hoa Lan	53.450.000	59.000.000	(5.550.000)					
	Trường MN Hoa Cúc	58.730.000	59.000.000	(270.000)					
	Trường MN Hoa Hồng	59.000.000	59.000.000						
	Trường MN Sơn Ca	54.930.000	59.000.000	(4.070.000)					
	Trường MN Hoa Hướng Dương	59.640.000	59.000.000		640.000				
	Trường MN Hòa Mị	62.040.000	59.000.000		3.040.000				
	Trường MN Tân Lập Thành	57.050.000	59.000.000	(1.950.000)					
b	Sự nghiệp Tiểu học (nguồn 12)	413.678.000	357.500.000	14.180.000				(25.000.000)	9.632.000
	Trường TH Trần Quốc Toản	32.500.000	32.500.000						
	Trường TH Phan Chu Trinh	32.500.000	32.500.000						
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	32.500.000	32.500.000						



STT	Đơn vị	Dự toán chi NSNN							Điều chỉnh tăng, giảm biên chế năm học 2022-2023
		Tổng số	Phần mềm chuyển đổi số học và phòng giáo dục và Đào tạo	Chinh sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	Chinh sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi	Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, tăng cường CSVC	Bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGD&ĐT ngày 12/11/2019	Chinh sách hỗ trợ cho học sinh khuyết tật	
	Trường TH Tô Hiệu	49.680.000	32.500.000	17.180.000					
	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	29.568.000	32.500.000				(2.932.000)		
	Trường TH Nguyễn Việt Xuân	29.500.000	32.500.000	(3.000.000)					
	Trường TH Thăng Long	32.500.000	32.500.000						
	Trường TH Lê Hồng Phong	32.500.000	32.500.000						
	Trường TH Hà Huy Tập	32.500.000	32.500.000						
	Trường TH N' Trang Long	38.268.000	32.500.000					5.768.000	
	Trường TH Võ Thị Sáu	89.866.000	32.500.000				57.366.000		
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	6.796.000						6.796.000	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(25.000.000)	-					(25.000.000)	
c	Sự nghiệp THCS (nguồn 12)	(1.050.838.000)	(1.006.500.000)	(2.340.000)	(2.340.000)	-	(57.366.000)	25.000.000	(9.632.000)
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	(2.340.000)		(2.340.000)					
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	(9.632.000)							(9.632.000)
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(1.038.866.000)	(1.006.500.000)				(57.366.000)	25.000.000	

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc điều chỉnh, thu hồi, bổ sung, hỗ trợ dự toán chi thường xuyên năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, thu hồi, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2022 cho ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện chi trả chế độ chính sách năm 2022; kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị các trường, hỗ trợ cơ sở vật chất làm trường chuẩn quốc gia; kinh phí tiền lương và các khoản có tính chất lương, chi thường xuyên, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung, trường phòng Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có liên quan thực hiện đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Đak Nông;
- Phòng TC-KH TP;
- Lưu VT. (Huệ).

TRƯỞNG PHÒNG



Phụ lục 01

CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

nơi giao dịch: 3061

Ban hành kèm theo Quyết định của phòng Giáo dục và Đào tạo



DVT: Đồng

STT	Đơn vị	Dự toán chi NSNN							Kinh phí theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP (Nguồn 12)
		Tổng số	Kinh phí phần mềm tuyển sinh (Nguồn 12)	Kinh phí bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGD&ĐT ngày 12/11/2019 (Nguồn 12)	Kinh phí xây dựng hàng rào bê tông TH Thăng Long (Nguồn 12)	Mua sắm trang thiết bị các trường, hỗ trợ cơ sở vật chất làm trường chuẩn quốc gia (Nguồn 12)	Kinh phí lương và các khoản có tính chất lương và chi thường xuyên (Nguồn 13)	Chính sách miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP (Nguồn 12)	
I	Thu, chi ngân sách về phi, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	290.532.000	(630.000.000)	(125.000.000)	(132.975.000)	702.985.000	351.390.000	116.980.000	7.152.000
1	Quản lý nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	290.532.000	(630.000.000)	(125.000.000)	(132.975.000)	702.985.000	351.390.000	116.980.000	7.152.000
2.1	Kinh phí thường xuyên giáo dục tự chủ	351.390.000	-	-	-	-	351.390.000	-	-
a	Sự nghiệp mầm non	15.700.000	-	-	-	-	15.700.000	-	-
	Trường MN Hoa Hường Dương	15.700.000	-	-	-	-	15.700.000	-	-
b	Sự nghiệp Tiểu học	121.940.000	-	-	-	-	121.940.000	-	-
	Trường TH Võ Thị Sáu	33.000.000	-	-	-	-	33.000.000	-	-
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	23.400.000	-	-	-	-	23.400.000	-	-
	Trường TH Trần Quốc Toản	10.000.000	-	-	-	-	10.000.000	-	-
	Trường TH Lê Hồng Phong	17.180.000	-	-	-	-	17.180.000	-	-
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	38.360.000	-	-	-	-	38.360.000	-	-
c	Sự nghiệp THCS	213.750.000	-	-	-	-	213.750.000	-	-
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	68.170.000	-	-	-	-	68.170.000	-	-
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	116.820.000	-	-	-	-	116.820.000	-	-
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	28.760.000	-	-	-	-	28.760.000	-	-

Luach

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí phân mềm tuyển sinh (Nguồn 12)	Kinh phí xây dựng hàng rào bê tông, hồ trữ nước, hồ trữ nước và các thiết bị các Mưa sấm trang thiết bị các (Nguồn 12)	Kinh phí xây dựng hàng rào bê tông, hồ trữ nước, hồ trữ nước và các thiết bị các (Nguồn 12)	Mua sắm trang thiết bị các (Nguồn 12)	Kinh phí xây dựng hàng rào bê tông, hồ trữ nước, hồ trữ nước và các thiết bị các (Nguồn 12)	Kinh phí mua sắm và các (Nguồn 12)	Kinh phí mua sắm và các (Nguồn 12)	Chính sách miễn giảm, cấp học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP (Nguồn 12)	Chính sách miễn giảm, cấp học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP (Nguồn 12)
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự	(60.858,000)	(630.000,000)	(125.000,000)	(132.975,000)	702.985,000	-	116.980,000	7.152,000	-	-
a	Sự nghiệp mầm non	24.620,000	-	(43.000,000)	-	50.000,000	-	17.620,000	-	-	-
	Trường MN Hoa Bưởi	2.700,000						2.700,000			
	Trường MN Hoa Sen	930,000						930,000			
	Trường MN Hoa Mĩ	13.200,000						13.200,000			
	Trường MN Hoa Hương Dương	600,000						600,000			
	Trường MN Hoa Phương Vàng	190,000						190,000			
	Trường MN Hoa Anh Đào	50.000,000						50.000,000			
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(43.000,000)						(43.000,000)			
b	Sự nghiệp Tiểu học	317.965,000	-	(52.000,000)	(132.975,000)	441.000,000	-	61.940,000	-	-	-
	Trường TH Trần Quốc Toản	31.600,000						29.400,000			
	Trường TH Võ Thị Sáu	29.400,000						29.400,000			
	Trường TH Phan Chu Trinh	29.400,000						29.400,000			
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	33.750,000						29.400,000			
	Trường TH NTương Long	33.000,000						29.400,000			
	Trường TH Tô Hiệu	51.670,000						29.400,000			
	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	32.820,000						29.400,000			
	Trường TH Nguyễn Việt Xuân	29.400,000						29.400,000			
	Trường TH Thăng Long	44.750,000						44.100,000			
	Trường TH Lê Hồng Phong	29.400,000						29.400,000			
	Trường TH Hà Huy Tập	44.100,000						44.100,000			
	Trường THPT THCS Phan Đình Giót	33.600,000						29.400,000			
	Trường THPT THCS Bế Văn Đàn	33.100,000						29.400,000			

Dự toán chi NSNN



Handwritten signature



Dự toán chi NSNN

STT	Đơn vị	Tổng số	Kinh phí phân mềm tuyển sinh (Nguồn 12)	Kinh phí hỗ trợ xây dựng theo Thông tư 19/2019/TT-BGD&ĐT ngày 12/11/2019 (Nguồn 12)	Kinh phí xây dựng hàng rào bê tông TH Thăng Long (Nguồn 12)	Mua sắm trang thiết bị các trường, hỗ trợ cơ sở vật chất làm trường chuẩn quốc gia (Nguồn 12)	Kinh phí lương và các khoản có tính chất lương và chi thường xuyên (Nguồn 13)	Chính sách miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP (Nguồn 12)	Kinh phí theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP (Nguồn 12)
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	46.950.000				29.400.000		17.550.000	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(184.975.000)		(52.000.000)	(132.975.000)				
c	Sự nghiệp THCS	(403.443.000)	(630.000.000)	(30.000.000)		211.985.000	-	37.420.000	7.152.000
	Trường THCS Trần Phú	89.399.000				79.685.000		2.562.000	7.152.000
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	45.613.000				44.100.000		1.513.000	
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	41.310.000				29.400.000		11.910.000	
	Trường THCS Phan Bội Châu	30.000.000				29.400.000		600.000	
	Trường TH&THCS Bé Văn Đàn	1.350.000						1.350.000	
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	3.000.000						3.000.000	
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	16.485.000						16.485.000	
	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	29.400.000				29.400.000			
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(660.000.000)	(630.000.000)	(30.000.000)					

[Handwritten signature]

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Mã KBNN nối giao dịch: 3061

Ban hành kèm theo Quyết định của phòng Giáo dục và Đào tạo

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Tổng số	Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi	Chính sách hỗ trợ cho học sinh khuyết tật
I	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí	-	-	-
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	(65.768.000)	(46.080.000)	(19.688.000)
1	Quản lý nhà nước	-	-	-
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	(65.768.000)	(46.080.000)	(19.688.000)
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)	-	-	-
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	(65.768.000)	(46.080.000)	(19.688.000)
a	Sự nghiệp mầm non (nguồn 12)	(46.080.000)	(46.080.000)	-
	Trường MN Hoa Lan	(10.560.000)	(10.560.000)	
	Trường MN Hoa Sen	(16.160.000)	(16.160.000)	
	Trường MN Tân Lập Thành	(5.600.000)	(5.600.000)	
	Trường MN Hoa Cúc	(800.000)	(800.000)	
	Trường MN Hoa Phượng Vàng	(12.960.000)	(12.960.000)	
b	Sự nghiệp THCS (nguồn 12)	(19.688.000)	-	(19.688.000)
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	(19.688.000)		(19.688.000)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều chỉnh tên gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức gắn với địa danh thị xã Gia Nghĩa và điều chỉnh phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn Ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-GDDT ngày 28/12/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu chi Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 133/TB-TCKH ngày 18/10/2022 của phòng Tài chính-kế hoạch thành phố về việc điều chỉnh dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2022 cho ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất các trường học, hỗ trợ kinh phí di dời cơ sở vật chất sang trụ sở mới, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có liên quan thực hiện đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Đắk Nông;
- Phòng TC-KH TP;
- Lưu VT, (Huệ).



Phạm Thị Hà

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Mã KBNN nơi giao dịch: 3061

Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-GDDT của Phòng Giáo dục và Đào tạo

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Dự toán chi NSNN				
		Tổng số	Mua sắm bàn ghế các trường học	Hỗ trợ kinh phí dời cơ sở vật chất sang trụ sở mới	Mua sắm trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất	Mua sắm sửa chữa, nâng cấp, tăng cường CSVC
I	Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí					
II	Dự toán chi Ngân sách nhà nước		936.610.000	50.000.000	270.000.000	(1.256.610.000)
1	Quản lý nhà nước					
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo		936.610.000	50.000.000	270.000.000	(1.256.610.000)
2.2	Kinh phí không thường xuyên		936.610.000	50.000.000	270.000.000	(1.256.610.000)
a	Sự nghiệp mầm non (nguồn 12)	218.000.000	98.000.000	-	120.000.000	-
	Trường MN Hoa Lan	14.000.000	14.000.000			
	Trường MN Hoa Sen	28.000.000	28.000.000			
	Trường MN Tân Lập Thành	44.000.000	14.000.000		30.000.000	
	Trường MN Sơn Ca	118.000.000	28.000.000		90.000.000	
	Trường MN Hoa Hướng Dương	14.000.000	14.000.000			
b	Sự nghiệp Tiểu học (nguồn 12)	717.740.000	592.740.000	50.000.000	75.000.000	-
	Trường TH Trần Quốc Toàn	41.840.000	41.840.000			
	Trường TH Phan Chu Trinh	95.560.000	45.560.000	50.000.000		
	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	112.040.000	112.040.000			
	Trường TH Tô Hiệu	41.840.000	41.840.000			
	Trường TH Minh Khai	141.120.000	91.120.000		50.000.000	
	Trường TH Nguyễn Việt Xuân	41.840.000	41.840.000			
	Trường TH Thăng Long	68.340.000	68.340.000			
	Trường TH Lê Hồng Phong	45.560.000	45.560.000			
	Trường TH Hà Huy Tập	41.840.000	41.840.000			
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	20.920.000	20.920.000			
	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	20.920.000	20.920.000			
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	45.920.000	20.920.000		25.000.000	
c	Sự nghiệp THCS (nguồn 12)	(935.740.000)	245.870.000	-	75.000.000	(1.256.610.000)
	Trường THCS Trần Phú	32.070.000	32.070.000			
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	114.140.000	64.140.000		50.000.000	
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	64.140.000	64.140.000			
	Trường THCS Phan Bội Châu	21.380.000	21.380.000			
	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	21.380.000	21.380.000			
	Trường TH&THCS Phan Đình Giót	21.380.000	21.380.000			
	Trường TH&THCS Trần Văn Ôn	46.380.000	21.380.000		25.000.000	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(1.256.610.000)				(1.256.610.000)